

Số: 114 /QĐ-SCT

Đồng Nai, ngày 21 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN
Quý I/2019 của Sở Công Thương**

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG ĐỒNG NAI

Căn cứ quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 08/5/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Công thương;

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

Căn cứ Báo cáo số 2188 /BC-SCT ngày 20/ 6 /2019 của Sở Công Thương về tình hình hiện dự toán NSNN Quý 1 năm 2019 của Sở Công Thương,

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính - Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN Quý I/2019 của Cơ quan Sở Công Thương (Đính kèm Báo cáo số 2188 /BC-SCT ngày 20/6 /2019).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ông (bà) Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng thuộc Sở Công Thương, Giám đốc trung tâm Xúc tiến thương mại, Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp có trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban GD Sở;
- Ban Website Sở;
- Lưu: VT, KH.

GIÁM ĐỐC



Dương Minh Dũng

Số: 2188 /BC-SCT

Đồng Nai, ngày 20 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình hiện dự toán NSNN Quý I năm 2019 của Sở Công Thương

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước 2015 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-STC ngày 11/12/2018 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu NSNN – chi ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ báo cáo số 2187 /BC-SCT ngày 20 / 6 /2019 của Sở Công Thương về tình hình hiện dự toán NSNN Quý 1 năm 2019 của Cơ quan Sở Công Thương,

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-TTXXTTM ngày 16/5/2019 của Trung tâm Xúc tiến thương mại về việc bố công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý I/2019 của Trung tâm Xúc tiến thương mại;

Căn cứ Báo cáo số 33/BC-KC&TV ngày 13/5/2019 của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp về tình hình thực hiện dự toán NSNN Quý I/2019;

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ thu-chi NSNN quý 1/2019, Sở Công Thương báo cáo số liệu thực hiện dự toán NSNN Quý I năm 2019 như sau:

I - DỰ TOÁN THU-CHI NSNN NĂM 2019

1. Dự toán thu NSNN

Tổng dự toán thu NSNN phí, lệ phí là 246.000.000 đồng. Dự toán nộp NSNN phí, lệ phí là 98.000.000 đồng.

2. Dự toán chi NSNN năm 2019: 20.281.000.000 đồng (đã trừ tiết kiệm 10%)

2.1 Kinh phí chi quản lý nhà nước là 14.429.379.792 đồng, trong đó:

- Chuyển nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên năm 2018 sang năm 2019 là 59.379.792 đồng;

- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên giao đầu năm là 9.053.000.000 đồng;

- Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên giao đầu năm: 5.317.000.000 đồng.

2.2 Kinh phí chi Sự nghiệp kinh tế là 25.585.293.516 đồng, trong đó:

a) Cơ quan Sở Công Thương

- Chi sự nghiệp kinh tế: 885.000.000 đồng;
- Kinh phí cải tạo, sửa chữa Trung tâm KC&TVPTCN: 1.350.000.000 đồng.

b) Trung tâm Xúc tiến Thương mại

- Chuyển nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên năm 2018 sang năm 2019 là 90.603.345 đồng;
- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên giao đầu năm là 1.703.000.000 đồng;
- Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên giao đầu năm: 6.570.000.000 đồng.

c) Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển Công nghiệp

- Chuyển nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên năm 2018 sang năm 2019 là 56.690.171 đồng;
- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên giao đầu năm là 1.728.000.000 đồng;
- Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên giao đầu năm: 13.202.000 đồng.

2.3 Kinh phí Sự nghiệp môi trường là 3.676.000.000 đồng.

II- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU – CHI NSNN QUÝ I/2019

1. Tình hình thực hiện dự toán thu phí, lệ phí Quý 1/2019

Trong Quý 1/2019, Sở Công Thương có tổng số thu phí, lệ phí là 77.960.000 đồng, đạt 31,69% so với dự toán giao đầu năm và hơn 6,93% so với cùng kỳ năm trước.

Số tiền nộp NSNN là 26.807.000 đồng, đạt 27,35% so với dự toán giao đầu năm và giảm 3,77% so với cùng kỳ năm trước.

Số tiền chi cho quản lý hành chính từ nguồn thu phí để lại là 6.057.000 đồng.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi NSNN Quý I/2019:

Tổng chi NSNN Quý I/2019 của Sở Công Thương là **3.505.747.872 đồng**, đạt 8,28% so với dự toán giao đầu năm và tăng 9,16% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

*** Cơ quan Sở Công Thương**

a) Chi quản lý nhà nước

Tổng chi quản lý nhà nước là 2.335.126.816 đồng, trong đó:

b) Kinh phí hoạt động thường xuyên

Trong Quý I/2019, cơ quan Sở Công Thương sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên (kinh phí thực hiện chế độ tự chủ) là 2.218.696.953 đồng, đạt 24,35% so với dự toán giao đầu năm và giảm 1,75% so với cùng kỳ năm trước.

c) Kinh phí không thường xuyên

Trong Quý I/2019, cơ quan Sở Công Thương sử dụng kinh phí hoạt động không thường xuyên (kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ) là 116.429.863

đồng, đạt 2,19% so với dự toán giao đầu năm và giảm 35,49% so với cùng kỳ năm trước.

d) Chi sự nghiệp kinh tế

Trong Quý I/2019, cơ quan Sở Công Thương chưa phát sinh kinh phí chi sự nghiệp kinh tế.

e) Chi sự nghiệp Bảo vệ môi trường

Trong Quý I/2019, cơ quan Sở Công Thương chưa phát sinh kinh phí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường.

*** Trung tâm Xúc tiến Thương mại**

Chi sự nghiệp kinh tế

a) Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên

Trong Quý I/2019, Trung tâm XTMM đã sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên là 390.603.977 đồng đạt 8% so với dự toán giao đầu năm và tăng 8% so với cùng kỳ năm trước.

b) Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên

Trong Quý I/2019, Trung tâm XTMM đã sử dụng kinh phí hoạt động không thường xuyên là 15.000.000 đồng đạt 0.23% so với dự toán giao đầu năm và giảm 86,27% so với cùng kỳ năm trước.

*** Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển Công nghiệp**

a) Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên

Chi sự nghiệp kinh tế

Trong Quý I/2019, Trung tâm KC&TVPTCN đã sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên là 438.017.079 đồng đạt 24,54% so với dự toán giao đầu năm và tăng 126,69% so với cùng kỳ năm trước.

b) Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên

Trong Quý I/2019, Trung tâm KC&TVPTCN chưa phát sinh kinh phí chi không thường xuyên.

Trên đây là báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN Quý I năm 2019 của ngành Sở Công Thương./.

Nơi nhận:

- Ban GD Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- TTXTMM;
- TTKC&TVPTCN;
- Ban Website Sở;
- Lưu: VT, KH.

GIÁM ĐỐC



Dương Minh Dũng

Đơn vị: Sở Công Thương
Chương: 416

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 6 Năm 2019

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2019

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách; các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I/2019 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2019			Tổng Dự toán năm 2019	Ước thực hiện quý I/2019			Tổng ước thực hiện quý 1/2019	Tổng ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Tổng ước thực hiện quý 1 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
		Cơ quan Sở Công Thương	Trung tâm Xúc tiến thương mại	TT Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp		Cơ quan Sở Công Thương	Trung tâm Xúc tiến thương mại	TT Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp			
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí										
I	Số thu phí, lệ phí	246.000.000	0	0	246.000.000	77.960.000	0	0	77.960.000	31,69%	6,93%
1	Phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại	106.000.000	0	0	106.000.000	19.200.000	0	0	19.200.000	18,11%	
2	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hoạt động hóa chất	15.000.000	0	0	15.000.000	6.000.000	0	0	6.000.000	40,00%	
3	Phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	25.000.000	0	0	25.000.000	9.250.000	0	0	9.250.000	37,00%	
4	Phí Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	0	0	0	0	9.000.000	0	0	9.000.000	-	
5	Phí Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	100.000.000	0	0	100.000.000	32.310.000	0	0	32.310.000	32,31%	
6	Phí Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động lĩnh vực điện lực	0	0	0	0	2.200.000	0	0	2.200.000	-	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại										
I	Chi quản lý hành chính				148.000.000	148.000.000			6.057.000	4,09%	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					0			0	-	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	148.000.000			148.000.000	148.000.000			6.057.000	4,09%	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	98.000.000	0	0	98.000.000	26.807.000	0	0	26.807.000	27,35%	-3,77%
1	Phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại	53.000.000	0	0	53.000.000	9.600.000	0	0	9.600.000	18,11%	
2	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hoạt động hóa chất	25.000.000	0	0	25.000.000	600.000	0	0	600.000	2,40%	

(Chữ ký)

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2019			Tổng Dự toán năm 2019	Ước thực hiện quý I/2019			Tổng ước thực hiện quý I/2019	Tổng ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Tổng ước thực hiện quý 1 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
		Cơ quan Sở Công Thương	Trung tâm Xúc tiến thương mại	TT Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp		Cơ quan Sở Công Thương	Trung tâm Xúc tiến thương mại	TT Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp			
3	Phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	10.000.000	0	0	10.000.000	925.000	0	0	925.000	9,25%	
4	Phí Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	0	0	0	0	9.000.000	0	0	9.000.000	-	
5	Phí Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	10.000.000	0	0	10.000.000	6.462.000	0	0	6.462.000	64,62%	
6	Phí Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động lĩnh vực điện lực	0	0	0	0	220.000	0	0	220.000	-	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.990.379.792	8.363.603.345	14.986.690.171	42.340.673.308	2.662.126.816	405.603.977	438.017.079	3.505.747.872	8,28%	9,16%
1	Chi quản lý nhà nước	14.429.379.792	0	0	14.429.379.792	2.335.126.816	0	0	2.335.126.816	16,18%	-4,25%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.112.379.792	0	0	9.112.379.792	2.218.696.953	0	0	2.218.696.953	24,35%	-1,75%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.317.000.000	0	0	5.317.000.000	116.429.863	0	0	116.429.863	2,19%	-35,49%
2	Chi sự nghiệp kinh tế	885.000.000	8.363.603.345	14.986.690.171	24.235.293.516	0	405.603.977	438.017.079	843.621.056	3,48%	27,03%
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	1.793.603.345	1.784.690.171	3.578.293.516	0	390.603.977	438.017.079	828.621.056	23,16%	149,33%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	885.000.000	6.570.000.000	13.202.000.000	20.657.000.000	0	15.000.000	0	15.000.000	0,07%	-86,27%
3	Chi sự nghiệp môi trường	3.676.000.000	0	0	3.676.000.000	327.000.000	0	0	327.000.000	8,90%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	-	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.676.000.000	0	0	3.676.000.000	327.000.000	0	0	327.000.000	8,90%	

